

TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN CÁC CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ, BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

I. RỪNG VÀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ, BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

1. Vai trò, tầm quan trọng của rừng

Rừng đóng vai trò quan trọng và đa dạng trong hệ sinh thái của trái đất, nhiều tổ chức quốc tế đã nhấn mạnh tầm quan trọng của rừng từ nhiều khía cạnh khác nhau:

Tổ chức Chương trình Môi trường Liên Hiệp Quốc: Tập trung vào bảo vệ đa dạng sinh học, giảm mất mát rừng và đối mặt với biến đổi khí hậu. Chương trình Môi trường Liên Hiệp Quốc (UNEP) và các đối tác phát động vào năm 2021 đã thúc đẩy phong trào toàn cầu nhằm phục hồi hệ sinh thái thế giới. Trong đó, nhấn mạnh tầm quan trọng của rừng “tại các thành phố, việc khôi phục các khu rừng đô thị làm mát không khí và giảm các đợt nắng nóng. Vào ngày nắng bình thường, một cây duy nhất cho hiệu quả làm mát tương đương với 02 máy điều hòa nhiệt độ hoạt động trong 24 giờ”.

Tổ chức Nông lâm Thế giới (FAO): Quản lý và bảo vệ rừng để đảm bảo nguồn cung cấp lâm sản, bảo vệ môi trường, và hỗ trợ phát triển bền vững. Tại Đại hội Lâm nghiệp thế giới (WFC) lần thứ 15, kêu gọi thế giới “cần phải hành động ngay lập tức để hạn chế nạn phá rừng và khôi phục thiên nhiên”.

Trong Kết luận số 61-KL/TW, ngày 17/8/2023 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW, ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, xác định tầm quan trọng của rừng: “Rừng là tài nguyên, nguồn lực to lớn của đất nước; là tư liệu sản xuất quan trọng, có khả năng tái tạo, yếu tố quan trọng của môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, góp phần giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, đảm bảo an ninh nguồn nước, quốc phòng, an ninh; là không gian sinh tồn, lưu giữ các giá trị văn hóa gắn với đời sống, sinh hoạt của các cộng đồng dân cư, nhất là đồng bào các dân tộc thiểu số. Bảo vệ rừng, phát triển rừng vừa là quyền lợi vừa là nghĩa vụ, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội”.

Rừng cung cấp nhiều lợi ích kinh tế và xã hội, bao gồm cung cấp gỗ, thực phẩm, nước và nhiều sản phẩm dịch vụ khác. Duy trì bảo vệ và phát triển rừng giúp duy trì nguồn cung này, hỗ trợ nền kinh tế; đồng thời, cải thiện chất lượng cuộc sống cho cộng đồng sống gần rừng. Rừng đóng vai trò quan trọng trong việc hấp thụ và lưu trữ lượng lớn cacbon. Việc bảo vệ rừng giúp đối phó với

thách thức biến đổi khí hậu, giảm lượng khí nhà kính trong không khí. Bảo vệ rừng đồng nghĩa với việc bảo vệ nguồn cung nước sạch cho cả cộng đồng và động, thực vật.

Do đó, việc bảo vệ rừng là nhiệm vụ cần thiết, cấp bách của toàn xã hội. Trong đó, cần có sự hợp tác giữa Chính phủ, doanh nghiệp, cộng đồng địa phương và các tổ chức phi chính phủ để đảm bảo rằng việc quản lý rừng được thực hiện hiệu quả và bền vững.

2. Những tác động tiêu cực của việc suy giảm chất lượng rừng

Suy giảm chất lượng rừng dẫn đến các hậu quả nghiêm trọng trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của đất nước. Việt Nam cam kết thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững, đề xuất Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự năm 2030 vì sự phát triển bền vững. Trong đó, có mục tiêu “*Bảo vệ và phát triển rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển dịch vụ hệ sinh thái, chống sa mạc hóa, ngăn chặn suy thoái và phục hồi tài nguyên đất*”. Thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021-2025, tỉnh Đồng Nai hướng tới mục tiêu “*Tỷ lệ che phủ rừng ổn định đạt 28,3%; đến năm 2022 có 100% diện tích chủ rừng được quản lý bền vững; rừng được nâng cao hiệu quả bảo tồn đa dạng sinh học và năng lực phòng hộ của rừng; đảm bảo an ninh môi trường*”.

Việc suy giảm chất lượng rừng có thể dẫn đến giảm hoặc mất đa dạng sinh học, làm tăng nguy cơ mất môi trường sống của nhiều loài động và thực vật rừng. Rừng giữ đất, giúp kiểm soát chất lượng nước. Sự suy giảm rừng, chất lượng rừng có thể dẫn đến các rủi ro nước mặt bị ô nhiễm, tác động tiêu cực đến nguồn nước sạch. Rừng đóng vai trò quan trọng trong việc kiểm soát khí hậu bằng các hấp thụ và lưu giữ lượng lớn cacbon dioxide. Việc suy giảm chất lượng rừng có thể dẫn đến việc tăng cường hiệu ứng nhà kính, thay đổi khí hậu toàn cầu.

3. Chủ trương, đường lối của Đảng trong phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với bảo vệ rừng

Dưới sự quan tâm chỉ đạo của Đảng, Chính phủ và cấp ủy, chính quyền các cấp, cùng với sự phối hợp giúp đỡ của các ngành và Nhân dân, công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đạt được những thành tựu quan trọng; hệ thống chính sách, pháp luật về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, từng bước hoàn thành cơ bản đáp ứng được yêu cầu thực tiễn; nhiều chương trình, đề án về quản lý bảo vệ rừng gắn với an sinh xã hội được triển khai đã tác động tích cực đến công tác bảo vệ và phát triển rừng từng bước được hoàn thiện cơ bản đáp ứng được yêu cầu thực tiễn.

Chủ trương, đường lối của Đảng tập trung trong phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với bảo vệ rừng, tập trung tuyên truyền khích lệ phát triển kinh tế lâm nghiệp dưới tán rừng phù hợp với mục tiêu kép về bảo vệ và phát triển rừng; đồng thời, đảm bảo sinh kế cho người dân trong khu vực có rừng; phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững theo hướng đa mục đích, đa giá trị trên cơ sở quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên rừng. Đẩy mạnh triển khai dịch vụ hấp thụ, lưu trữ các bon và phát triển nhanh thị trường tín chỉ các bon rừng.

II. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KHAI THÁC, QUẢN LÝ, BẢO VỆ RỪNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Đặc điểm rừng và việc khai thác rừng trên địa bàn tỉnh

Đồng Nai là tỉnh còn nhiều rừng, rừng được bảo vệ ổn định với hơn 123 ngàn hecta rừng tự nhiên và hơn 47 ngàn hecta rừng trồng. Nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía nam, rừng ở tỉnh Đồng Nai có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội là nền tảng cho phát triển bền vững. Mục tiêu bảo vệ và phát triển rừng theo hướng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, nâng cao năng suất, sản lượng, phát huy các giá trị của rừng, tạo ra sản phẩm giải quyết sinh kế người dân làm nghề rừng, người dân sống gần rừng để họ tham gia công tác bảo vệ rừng.

Tỷ lệ che phủ rừng của tỉnh Đồng Nai trước năm 1997 là 25,48%. Sau hơn 25 năm, đến cuối năm 2022, tỉnh Đồng Nai có 123.939 ha rừng tự nhiên, là tỉnh có diện tích rừng tự nhiên lớn nhất Nam Bộ. Ngoài ra, tỷ lệ che phủ rừng duy trì mức 29%, cao nhất trong các tỉnh Nam bộ.

Chiến lược Phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Đồng Nai trên cơ sở quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên rừng; hài hòa các mục tiêu về kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường; đưa lâm nghiệp thực sự trở thành một ngành kinh tế - kỹ thuật theo hướng hiện đại, hiệu lực, hiệu quả và sức cạnh tranh cao, liên kết theo chuỗi từ phát triển rừng, bảo vệ rừng, sử dụng rừng đến chế biến và thương mại lâm sản để nâng cao giá trị rừng, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, phát huy tiềm năng về khí hậu, đất đai và lợi thế so sánh của các vùng, miền, bảo đảm hài hòa lợi ích quốc gia, địa phương và lợi ích của người dân. Đổi mới mô hình tăng trưởng từ dựa vào mở rộng diện tích và khối lượng sang tập trung vào nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng của sản phẩm lâm nghiệp. Phát triển nông lâm kết hợp, lâm sản ngoài gỗ; lâm nghiệp đô thị, cảnh quan và các loại hình du lịch bền vững gắn với rừng.

Hiện toàn tỉnh có gần 1.500 cơ sở, doanh nghiệp chế biến gỗ, giá trị kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tăng dần theo từng năm. Cụ thể năm 2017 là 1,2 tỷ USD và đến năm 2022 là 1,86 tỷ USD. Sản phẩm gỗ của các Doanh

nghiệp tỉnh Đồng Nai xuất khẩu đi 88 nước trên thế giới, trong đó, thị trường Mỹ chiếm thị phần lớn nhất 66%, Hàn Quốc chiếm 11%, còn lại là các thị trường khác.

Khai thác có hiệu quả các giá trị của dịch vụ môi trường rừng (năm 2022 có khoảng 150 ngàn hecta rừng được chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng với số tiền hơn 46 tỷ đồng), lâm sản ngoài gỗ, du lịch sinh thái, chế biến, thương mại lâm sản; tạo thêm việc làm cải thiện đời sống người dân gần rừng thông qua các dự án, chương trình bảo vệ, phát triển và phòng cháy, chữa cháy rừng và lao động dịch vụ công ích, dịch vụ du lịch cho người dân gần rừng, góp phần làm ổn định đời sống vật chất cho người dân cho trên 13 ngàn hộ dân sống trên lâm phận, đóng góp đáng kể vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, đảm bảo trật tự an toàn xã hội.

2. Thực trạng công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh

Theo thống kê của Cục Lâm nghiệp, diện tích rừng hiện nay của Việt Nam khoảng 14,74 triệu hecta, trong đó, rừng trồng chiếm 4,57 triệu hecta (31%), rừng tự nhiên chiếm 10,17 triệu hecta (69%). Trong chiến lược phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2021-2030, tỷ lệ che phủ rừng 42-43%, giá trị sản xuất tăng 5-5,5%; mục tiêu đến năm 2025, giá trị xuất khẩu đạt 18-20 tỷ USD; năm 2030 đạt 23-25 tỷ USD.

Tại Đồng Nai, theo kết quả theo dõi diễn biến rừng năm 2022, diện tích rừng tính tỷ lệ che phủ là 172.455,10 ha, tỷ lệ che phủ rừng của tỉnh Đồng Nai năm 2022 là 29,24%, đảm bảo chỉ tiêu theo Nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng Nhân dân tỉnh đề ra.

Trong những năm qua, rừng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được quản lý bảo vệ, phát triển và sử dụng hiệu quả, bền vững theo mục tiêu quy hoạch và quy chế quản lý sử dụng từng loại rừng, thúc đẩy sinh trưởng, nâng cao chất lượng và giá trị đa dạng của rừng, đảm bảo chức năng phòng hộ, bảo vệ môi trường sinh thái, chống biến đổi khí hậu, góp phần ổn định dân cư, giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh và xây dựng nông thôn mới ở địa phương. Tuy nhiên, công tác quản lý, bảo vệ rừng vẫn còn nhiều khó khăn.

Trên địa bàn tỉnh các vụ vi phạm vẫn tiếp tục xảy ra, đặc biệt là các hành vi: phá rừng trái pháp luật, khai thác rừng trái pháp luật,... tại các địa bàn huyện: Tân Phú, Định Quán, Vĩnh Cửu; ngoài ra, tại các đơn vị chủ rừng vẫn xảy ra hành vi xây dựng trái phép trên đất lâm nghiệp vẫn nhưng chưa thể xử lý triệt để.

Mặt khác, biên chế Kiểm lâm, lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng tại các đơn vị chủ rừng ít (tại các Hạt Kiểm lâm ít, 01 công chức Kiểm lâm quản lý từ 03

đến 05 xã, địa bàn rộng) nên không bao quát hết địa bàn quản lý, điều kiện làm việc ở vùng sâu, vùng xa, những nơi không có điện thấp sáng, không có sóng điện thoại nên công chức, viên chức không có điều kiện để tiếp xúc với các nhu cầu văn hóa, xã hội cũng như không thể tự học tập nâng cao trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ, do đó, có nhiều hạn chế trong thực hiện nhiệm vụ và hiệu quả công việc không cao nên không thu hút được giới trẻ nộp đơn vào làm việc.

Tình trạng dân cư đông đúc, nhu cầu về lâm sản, đất sản xuất, xây cất nhà ngày càng tăng cao; nhiều người không có việc làm.... Tập quán sản xuất vẫn theo dạng truyền thống và tự phát, kém bền vững; ít áp dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, hiệu quả thấp, không ổn định... cho nên áp lực đối với rừng và đất lâm nghiệp ngày càng lớn và rất khó kiểm soát.

Một số nơi việc tổ chức giao khoán không được kiểm soát, nên xảy ra tình trạng rừng và đất của chủ rừng bị khai thác, lấn chiếm, tĩa cành, chặt ngọn thậm chí cưa cây; xảy ra tranh chấp đất đai, sử dụng đất giao khoán không đúng mục đích; chuyển đổi cây trồng không theo quy hoạch, chức năng của rừng. Tình trạng tự ý chuyển nhượng hợp đồng, xây nhà và công trình kiên cố vẫn xảy ra, kéo dài, diễn biến phức tạp.

Mặt dù vẫn còn nhiều thách thức đối mặt trong công tác quản lý bảo vệ rừng hiện nay, song cơ hội để tạo ra những thay đổi tích cực nếu có sự tham gia của cả hệ thống chính trị, cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, nhất là cộng đồng địa phương có rừng.

3. Kết quả, thành tựu đạt được trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh

Trước năm 1997, rừng được khai thác để xây dựng thủy điện Trị An, bên cạnh đó, người dân sống dựa vào rừng trong thời kỳ bị cấm vận kinh tế nên độ che phủ rừng của tỉnh giảm chỉ còn 25,48%. Ngày 24/02/1997, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 631/QĐ-UBND về việc đóng cửa tất cả các loại rừng tự nhiên trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, đây là quyết định đóng cửa rừng tự nhiên sớm nhất cả nước, nhằm phục hồi, bảo vệ tốt diện tích rừng tự nhiên.

Sau hơn 25 năm đóng cửa rừng tự nhiên, rừng Đồng Nai đã từng bước phục hồi. Tính đến cuối năm 2022, tỉnh Đồng Nai có 123.939 ha rừng tự nhiên, là tỉnh có diện tích rừng tự nhiên lớn nhất Nam Bộ. Ngoài ra, tỷ lệ che phủ rừng luôn duy trì mức 29%, cao nhất trong các tỉnh Nam bộ.

Diện tích rừng được tiếp tục được quản lý, bảo vệ ổn định; không xảy ra các vụ vi phạm Luật Lâm nghiệp có tính chất nghiêm trọng và lớn trên địa bàn tỉnh. Sản phẩm gỗ của các Doanh nghiệp tỉnh Đồng Nai xuất khẩu đi 88 nước trên thế giới, trong đó, thị trường Mỹ chiếm thị phần lớn nhất 66%, Hàn Quốc

chiếm 11%, còn lại là các thị trường khác.

Quản lý hoạt động chế biến, kinh doanh gỗ và sản phẩm gỗ trên địa bàn tỉnh, hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện Nghị định 102/NĐ-CP, ngày 01/9/2020 của Chính phủ về Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam. Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trên địa bàn kinh doanh chế biến lâm sản theo quy định nhằm giúp cho ngành gỗ Đồng Nai phát triển bền vững cho cả thị trường xuất khẩu và nội địa góp phần đạt mục tiêu đến năm 2025 kim ngạch xuất khẩu đạt trên 2,0 tỷ USD theo đề án Chế biến gỗ và lâm sản bền vững tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

Các đơn vị chủ rừng Vườn Quốc gia Cát Tiên, Khu Bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai, các Ban Quản lý rừng phòng hộ cùng tiến hành công tác bảo tồn đa dạng sinh học; đề ra mục tiêu và giải pháp để thực hiện bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học trên cạn, vùng đất ngập nước; sử dụng bền vững tài nguyên sinh vật; tăng cường quản lý nhà nước ở địa phương về đa dạng sinh học và an toàn sinh học. Triển khai thực hiện Dự án Khẩn cấp bảo tồn Voi tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2014-2020, đã hoàn thành một số gói thầu; hoàn thành xây dựng 50 km hàng rào điện tử, bước đầu đã phát huy hiệu quả: nâng cao được nhận thức của người dân trong khu vực dự án về bảo tồn voi; ngăn chặn sự xung đột giữa voi và người, đàn voi rừng đã được bảo vệ, đang có xu hướng tăng lên về số lượng cho thấy công tác bảo tồn đã bước đầu thành công, nguồn gen quý hiếm đã được bảo vệ; bảo vệ được khoảng 5.000 ha cây nông nghiệp, cây công nghiệp dài ngày của người dân...

Bên cạnh đó, khoa học và công nghệ được ứng dụng rộng rãi trong hầu hết công tác quản lý của đơn vị như: sử dụng phần mềm để theo dõi diễn biến tài nguyên rừng và đất lâm nghiệp đến từng lô, khoảnh; phần mềm xử lý công văn đi, đến; các phần mềm trong công tác kế toán...

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ, BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

1. Thực hiện tốt công tác quản lý rừng, quản lý chặt chẽ diện tích rừng và đất lâm nghiệp theo kết quả kiểm kê rừng trên phạm vi 124 xã thuộc 02 thành phố và 09 huyện có rừng trong và ngoài quy hoạch lâm nghiệp; xác định diện tích rừng và đất lâm nghiệp phân theo hiện trạng, phân theo chức năng gắn với rà soát quy hoạch chuyển đổi đất, rừng phòng hộ đầu nguồn ít xung yếu sang quy hoạch phát triển rừng sản xuất và kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch ba loại rừng tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2025, định hướng đến năm 2030.

2. Làm tốt công tác bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng. Quản lý bảo vệ và phát triển bền vững diện tích rừng hiện có; nâng cao năng lực quản lý bảo

vệ rừng của các địa phương, đơn vị chủ rừng, bảo vệ ổn định lâm phận 03 loại rừng; phát huy vai trò, lợi thế của từng loại rừng, trên cơ sở bảo tồn, sử dụng, cung cấp các dịch vụ và phát triển bền vững, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, duy trì các giá trị đa dạng sinh học của rừng, bảo vệ môi trường và thích ứng, giảm thiểu biến đổi khí hậu; giảm tình trạng vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng. Huy động các nguồn lực của xã hội để bảo vệ và phát triển rừng, góp phần thực hiện chủ trương xã hội hóa nghề rừng; nâng cao nhận thức và trách nhiệm đối với công tác bảo vệ và phát triển rừng của những người được hưởng lợi từ rừng hoặc có các hoạt động ảnh hưởng trực tiếp đến rừng. Phòng cháy, chữa cháy rừng đầu tư cơ sở hạ tầng cho công tác phòng cháy, nâng cao khả năng kiểm soát cháy rừng và hiệu lực của công tác phòng cháy, chữa cháy rừng, đảm bảo phòng cháy tốt, phát hiện kịp thời chữa cháy hiệu quả.

3. Trong giao khoán, khoán bảo vệ rừng. Đối với diện tích đất giao khoán theo Nghị định số 01/NĐ-CP, ngày 04/01/1995 của Chính phủ về “ban hành bản quy định về việc giao khoán đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản trong các doanh nghiệp nhà nước”, Nghị định số 135/2005/NĐ-CP, ngày 08/11/2005 của Chính phủ về “giao khoán đất nông nghiệp, đất rừng sản xuất và đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản trong các nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh” trên đất quy hoạch rừng phòng hộ trên toàn tỉnh tiếp tục chuyển đổi sang hợp đồng giao khoán theo Nghị định số 168/2016/NĐ-CP, ngày 27/12/2016 của Chính phủ về “Quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm nghiệp Nhà nước” phù hợp với quy định và tình hình thực tế; đối với diện tích giao khoán thuộc quy hoạch rừng đặc dụng thanh lý hợp đồng khoán trước thời hạn gắn với lộ trình thực hiện dự án quy hoạch di dời ổn định dân cư và trồng rừng thay thế; diện tích khoán của các Ban quản lý rừng phòng hộ rà soát bổ sung hợp đồng khoán, kiểm tra kiểm soát việc thực hiện hợp đồng khoán, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm; trồng bổ sung cây gỗ lớn vào diện tích khoán mật độ thấp so với thiết kế ban đầu; tiếp tục tuyên truyền các hộ chưa lập hợp đồng khoán, lập hợp đồng theo quy định.

4. Tiếp tục tuyên truyền thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng cho các đối tượng cung ứng dịch vụ môi trường (các chủ rừng là tổ chức, các hộ gia đình được khoán đất lâm nghiệp, nhận khoán bảo vệ rừng) trên diện tích bình quân 148.410 ha/năm, chi trả bình quân 32.560 triệu đồng/năm đến các địa phương, đơn vị; ứng dụng công nghệ số trong công tác xác định diện tích, chất lượng rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng; chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng qua tài khoản ngân hàng.

5. Phát triển, nâng cao năng suất, chất lượng rừng. Chủ động lựa chọn, tiếp nhận giống, công nghệ nhân giống cây trồng lâm nghiệp mới có năng suất, chất lượng cao phù hợp với điều kiện sinh thái; giám sát chuỗi hành trình sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp, tăng cường kiểm tra cơ sở sản xuất kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp. Phát triển vùng rừng trồng cung cấp nguyên liệu tập trung, ưu tiên trồng rừng gỗ lớn đáp ứng cơ bản nhu cầu nguyên liệu cho chế biến gỗ và lâm sản. Trồng rừng thâm canh, phấn đấu tăng sản lượng cây Keo lai bình quân 84.000m³/năm lên đến 100.000m³/năm.

Phát triển hệ thống rừng đặc dụng, bảo tồn phát huy giá trị nguồn gen và đa dạng sinh học, đáp ứng yêu cầu duy trì cân bằng sinh thái và phát triển lâm nghiệp bền vững; giám sát, đánh giá tư liệu hóa tài nguyên đa dạng sinh học phục vụ công tác quản lý, bảo tồn và cung cấp nguồn vật liệu cho lai tạo giống, phát triển rừng trồng, tạo sản phẩm thương hiệu mới; nâng cao khả năng cạnh tranh trong xu thế hội nhập quốc tế. Nâng cao chất lượng rừng, trữ lượng rừng, góp phần thực hiện mục tiêu bảo tồn và phát triển nguồn gen, bảo tồn đa dạng sinh học.

6. Thực hiện có hiệu quả việc khai thác và chế biến gỗ. Khai thác rừng trồng sản xuất 1.125 ha/ năm, sản lượng 157,686 m³; khai thác cây trồng phụ trợ 537 ha/ năm, sản lượng 40.205m³; khai thác cây trồng phân tán 10.500 m². Triển khai Đề án sản xuất, chế biến lâm sản bền vững đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; giá trị sản xuất đồ gỗ và lâm sản 2,0 tỷ USD vào năm 2025.

7. Phát huy các giá trị về lịch sử văn hóa, khoa học, đa dạng sinh học, cảnh quan, các hệ sinh thái rừng tổ chức du lịch sinh thái tại các đơn vị chủ rừng Vườn quốc gia Cát Tiên, Khu Bảo tồn thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai, Ban Quản lý rừng phòng hộ Tân Phú, Ban Quản lý rừng phòng hộ Long Thành để tăng nguồn thu từ rừng và tạo việc làm, thêm sinh kế cho người dân gần rừng; nâng cao giá trị gia tăng 45% vào năm 2025.

8. Làm tốt công tác ổn định dân cư, bố trí tái định cư. Đến năm 2025, sắp xếp ổn định dân cư tại Khu Bảo tồn thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai thực hiện di dời bố trí tái định cư khu vực Đồng 4, ấp 5, xã Mã Đà, huyện Vĩnh Cửu ra khỏi Khu Bảo tồn với 228 hộ gần 1.000 nhân khẩu; quy hoạch 04 điểm tái định cư diện tích 82,69 ha.

Như vậy, rừng đóng một vai trò rất quan trọng trong đời sống và sản xuất của con người, môi trường và xã hội. Tuy nhiên, tình trạng chặt phá rừng trái phép hiện nay vẫn diễn ra rất phổ biến, một cách ngang nhiên và đáng báo động.

Nhiều đối tượng vì lợi ích cá nhân mà quên đi lợi ích dài lâu của toàn xã hội. Khi những khu rừng dự trữ đầu nguồn đang dần bị chặt phá sẽ khiến cho thiên tai lũ lụt xảy ra thường xuyên, với những hậu quả nặng nề hơn. Làm xói mòn đất đai, ảnh hưởng rất lớn đối với đời sống của Nhân dân. Hệ sinh thái rừng bị tàn phá cướp đi nơi sinh sống của các loài sinh vật. Bên cạnh đó, tình trạng đốt phá rừng làm nương rẫy của người dân cũng khiến diện tích rừng bị suy giảm đáng kể một cách trầm trọng.

Do đó, toàn thể người dân cần phải bảo vệ rừng bằng những hành động thiết thực. Coi đây là một vấn đề quan trọng và phải thực hiện ngay. Đẩy mạnh tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của người dân, nâng cao hơn nữa các nguồn lực để bảo vệ rừng, răn đe các đối tượng có hành động chặt phá rừng.

**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
- BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY**